

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo thông báo số 677/TB-HVN ngày 18/04/2024)

DANH MỤC NGÀNH GẦN, NGÀNH KHÁC CỦA CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Ngành	Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học
1	Ngành Bảo vệ thực vật	
1.1	Ngành/Chuyên ngành đúng và phù hợp	Bảo vệ thực vật, Khoa học cây trồng, Trồng trọt, Nông học, Di truyền và chọn giống cây trồng, Cừ nhân nông nghiệp, khoa học cây trồng tiên tiến.
1.2	Ngành/Chuyên ngành gần	Nhóm I: Dâu tằm ong, Làm vườn, Làm vườn và sinh vật cảnh, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Nông hóa thổ nhưỡng, Nông nghiệp công nghệ cao.
		Nhóm II: Sinh học, Công nghệ sinh học, Lâm nghiệp, Lâm học, Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng, Khuyến nông, Khuyến nông và phát triển nông thôn, Sinh kỹ thuật nông nghiệp, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Kỹ thuật nông nghiệp, Nông lâm kết hợp, Lâm nghiệp đô thị, Công nghệ thực phẩm, công nghệ sau thu hoạch, Bảo quản chế biến nông sản, Sư phạm sinh, Khoa học môi trường, Hóa học.
2	Ngành Chăn nuôi	
2.1	Ngành/Chuyên ngành đúng và phù hợp	Chăn nuôi, Chăn nuôi thú y, Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi, Khoa học động vật.
2.2	Ngành/Chuyên ngành gần	Nhóm I: Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản, Khoa học thủy sản, Khai thác thủy sản, Quản lý thủy sản, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Thú y.
		Nhóm II: Di truyền chọn giống cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Nông nghiệp, Khuyến nông, Khoa học đất, Nông học, Khoa học cây trồng, Lâm nghiệp, Lâm nghiệp đô thị, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Công nghệ thực phẩm, Kỹ thuật thực phẩm, Môi trường, Kỹ thuật nông nghiệp, Công nghệ sinh học, Sinh học, Kỹ thuật sinh học, Sinh học ứng dụng, Sư phạm sinh học.
3	Ngành Chăn nuôi – Thú y	
3.1	Ngành/Chuyên ngành đúng và phù hợp	Chăn nuôi, Chăn nuôi thú y, Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi, Khoa học động vật, Thú y
3.2	Ngành/Chuyên ngành gần	Nhóm I Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản, Khoa học thủy sản, Khai thác thủy sản, Quản lý thủy sản, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp.
		Nhóm II: Di truyền chọn giống cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Nông nghiệp, Khuyến nông, Khoa học đất, Nông học, Khoa học cây trồng, Lâm nghiệp, Lâm nghiệp đô thị, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Công nghệ thực phẩm, Kỹ thuật thực

TT	Ngành	Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học
		phẩm, Môi trường, Kỹ thuật nông nghiệp, Công nghệ sinh học, Sinh học, Kỹ thuật sinh học, Sinh học ứng dụng, Sư phạm sinh học.
4	Ngành Công nghệ sinh học	
4.1	Ngành/Chuyên ngành đúng và phù hợp	Công nghệ sinh học, Cử nhân sinh học.
4.2	Ngành/Chuyên ngành gần	Nhóm I: Chăn nuôi, Thú y, Nông học, Hoá sinh, Nuôi trồng thủy sản, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Di truyền và chọn giống cây trồng, Công nghệ rau hoa quả - Cảnh quan, Công nghệ thực phẩm, Bảo quản chế biến nông sản, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Lâm nghiệp, Lâm học.
		Nhóm II: Khối ngành môi trường, Y - dược, Công nghệ thông tin (lĩnh vực tin sinh học), Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường.
5	Ngành Công nghệ thực phẩm	
5.1	Ngành/Chuyên ngành đúng và phù hợp	Công nghệ thực phẩm, Kỹ thuật thực phẩm, Bảo quản chế chế biến nông sản, Công nghệ và kinh doanh thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, Công nghệ chế biến thủy sản
5.2	Ngành/Chuyên ngành gần	Nhóm I: Chăn nuôi, Thú y, Nuôi trồng thủy sản.
		Nhóm II: Công nghệ sinh học, Kỹ thuật sinh học, Sinh học, Bảo vệ thực vật, Khoa học cây trồng, Rau hoa quả và cảnh quan, có chứng chỉ bổ túc kiến thức theo quy định của Học viện Nông nghiệp Việt Nam
6	Ngành Di truyền và chọn giống cây trồng	
6.1	Ngành/Chuyên ngành đúng và phù hợp	Khoa học cây trồng, Trồng trọt, Nông học
6.2	Ngành/Chuyên ngành gần	Nhóm I: Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Nông nghiệp, Nông nghiệp công nghệ cao, Bảo vệ thực vật.
		Nhóm II: Khoa học đất, Kinh Doanh Nông nghiệp, Kinh tế Nông nghiệp, Phát triển Nông thôn, Chăn nuôi, Sinh học, Công nghệ sinh học, Lâm nghiệp, Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Sư phạm công nghệ, Sư phạm nông nghiệp, Sinh kỹ thuật nông nghiệp, Khuyến Nông.
7	Ngành Kế toán	
7.1	Ngành/Chuyên ngành đúng và phù hợp	Cử nhân tốt nghiệp các ngành thuộc nhóm ngành kế toán, kiểm toán: Kế toán, Kế toán - kiểm toán, Kế toán doanh nghiệp, Kiểm toán; Kế toán tổng hợp, Kế toán công, Kế toán ngân hàng, Tài chính - ngân hàng, Ngân hàng, Tài chính - tín dụng.
7.2	Ngành/Chuyên ngành gần	Nhóm I: Các cử nhân tốt nghiệp các ngành nhóm tài chính - ngân hàng - bảo hiểm, kinh doanh- quản lý và kinh tế.

TT	Ngành	Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học
		Nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm: Tài chính, Tài chính - Ngân hàng, Ngân hàng, Tài chính - Tín dụng, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính công, Tài chính quốc tế, Tài chính nhà nước, Thị trường chứng khoán, Bảo hiểm.
		Nhóm ngành kinh tế: Kinh tế học, Kinh tế xây dựng, Kinh tế thương nghiệp, Thống kê, Kinh tế bất động sản và địa chính, Kinh tế kế hoạch và đầu tư, Kinh tế lao động và quản lý nguồn lực, Kinh tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế đầu tư tài chính, Kinh tế luật, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế nông lâm ngư, Kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ, Kinh tế thủy sản, Kinh tế xây dựng, Kinh tế giao thông, Kinh tế bưu chính viễn thông, Kinh tế vận tải, Kinh tế bảo hiểm, Kinh tế chính trị, Phát triển nông thôn, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Luật kinh tế, Kinh tế đối ngoại, Kinh tế thẩm định giá, Kinh tế gia đình.
		Nhóm ngành kinh doanh - quản lý: Quản trị kinh doanh, Marketing, Thương mại quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh thương mại và dịch vụ, Kinh doanh dịch vụ, Quản trị kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh thương mại, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh tổng hợp, Quản trị chất lượng, Quản trị marketing, Quản trị bán hàng, Truyền thông marketing, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Kinh doanh bất động sản, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý kinh tế, Quản lý kinh doanh, Quản lý thị trường, Quản lý lao động, Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý công nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp, Quản lý nguồn lợi thủy sản, Quản lý bệnh viện, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý du lịch, Kinh doanh du lịch, Thương mại, Quản lý kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ, Quản lý công nghiệp, Khoa học quản lý, Quản lý đô thị, Hệ thống thông tin kinh tế và quản lý, Kinh doanh xuất bản phẩm, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý văn hóa, Quản lý nhà nước, Quản lý giáo dục, Quản lý khoa học công nghệ, Quản lý xây dựng, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Quản lý môi trường và du lịch sinh thái, Khoa học quản lý, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự.
		Nhóm II: Cử nhân tốt nghiệp các Ngành thuộc nhóm ngành: Hành chính học, Luật, Luật quốc tế, Dịch vụ xã hội, Công tác xã hội, Bất động sản.
8	Ngành Khoa học cây trồng	
8.1	Ngành/Chuyên ngành đúng và phù hợp	Khoa học cây trồng, Trồng trọt, Nông học
8.2	Ngành/Chuyên ngành gần	Nhóm I: Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Nông nghiệp, Nông nghiệp công nghệ cao, Bảo vệ thực vật. Nhóm II: Khoa học đất, Kinh Doanh Nông nghiệp, Kinh tế Nông nghiệp, Phát triển Nông thôn, Chăn nuôi, Sinh học, Công nghệ sinh học, Lâm nghiệp, Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Sư phạm công nghệ, Sư phạm nông nghiệp, Sinh kỹ thuật nông nghiệp, Khuyến Nông.

TT	Ngành	Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học
9	Ngành Khoa học môi trường	
9.1	Ngành/Chuyên ngành đúng và phù hợp	Khoa học môi trường; Kỹ thuật môi trường; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ môi trường; Quản lý môi trường; Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
9.2	Ngành/Chuyên ngành gần	Nhóm I: Khoa học đất; Quản lý tài nguyên và Môi trường; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên nước; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Khoa học vật liệu; Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Công nghệ vật liệu; Kỹ thuật hóa học; kỹ thuật vật liệu; Nông nghiệp; Nông học; Khuyến nông; Địa lý tự nhiên; Địa chất học; Bảo vệ thực vật; Nông hoá; Khoa học cây trồng; Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan; Quản lý đất đai; Địa chính; Quản lý bất động sản; Công nghệ sinh học; Kỹ thuật sinh học; Sinh học ứng dụng. Nhóm II: Công nghệ thực phẩm; Chăn nuôi; Thủy lợi; Lâm học; Lâm nghiệp đô thị; Lâm sinh; Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp; Sư phạm hóa học; Sư phạm sinh; Thú Y; Luật; Luật quốc tế; Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn; Quản lý kinh doanh; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Cơ khí; Cơ điện; Công nghệ thông tin; Kỹ thuật hạ tầng đô thị; Kỹ thuật cấp thoát nước; Kỹ thuật tài nguyên nước; Quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị và công trình; Nuôi trồng thủy sản; Bệnh học thủy sản; Khoa học thủy sản; Quản lý thủy sản.
10	Ngành Kinh tế nông nghiệp	
10.1	Ngành/Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Kinh tế nông nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông lâm ngư, Kinh tế lâm nghiệp, Kinh tế thủy sản. - Các ngành Kinh tế khác.
10.2	Ngành/Chuyên ngành gần	Nhóm I: Quản trị kinh doanh, Marketing, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh quốc tế, Quản lý kinh tế; Tài chính, Ngân hàng, Kế toán, Kế toán doanh nghiệp, Kiểm toán, Bảo hiểm, Tài chính-tín dụng; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ; Thống kê. Nhóm II: Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng, Hành chính học; Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường; Luật kinh tế, Hệ thống thông tin kinh tế; Quản lý công nghiệp, Quản lý nhà nước, Quản lý khoa học công nghệ, Quản lý thị trường; Phát triển nông thôn, Khuyến nông, Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp, Lâm nghiệp đô thị, Lâm sinh, Thủy sản, Quản lý nguồn lợi thủy sản, nông lâm kết hợp; Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch, Công nghệ chế biến thủy sản, Bảo quản chế biến nông sản; Chăn nuôi, Nông học, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Thú y.
11	Ngành Nuôi trồng thủy sản	
11.1	Ngành/Chuyên ngành đúng và phù hợp	Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản, Quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sản.

TT	Ngành	Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học
11.2	Ngành/Chuyên ngành gần	Nhóm I: Bảo quản chế biến thủy sản, Khai thác thủy sản, Sinh học, Công nghệ sinh học, Chăn nuôi, Chăn nuôi Thú y, Thú y, Sư phạm kỹ thuật Nông nghiệp, Môi trường, Công nghệ Thực phẩm, Bảo quản chế biến nông sản
		Nhóm II: Nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Khuyến nông và Phát triển nông thôn,...
12	Ngành Phát triển nông thôn	
12.1	Ngành/Chuyên ngành đúng và phù hợp	Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế lâm nghiệp, Kinh tế thủy sản, Kinh tế thủy lợi; Kinh tế môi trường, Kinh tế tài nguyên.
		Kinh doanh nông nghiệp, Marketing nông nghiệp, Bảo hiểm nông nghiệp, Tài chính - Tín dụng nông nghiệp, Kế toán nông nghiệp.
		Phát triển nông thôn, Khuyến nông, Phát triển nông thôn & khuyến nông, Xã hội học nông thôn, Tín dụng nông thôn, Kinh tế nông thôn, Bảo hiểm nông thôn, Công nghiệp nông thôn, Công nghiệp nông thôn miền núi, Giao thông nông thôn.
		Khối ngành kinh tế như Kinh tế, Quản lý kinh tế, Tài chính, Tín dụng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị kinh doanh, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế xây dựng, Kinh tế giao thông, Kinh tế bảo hiểm, Thống kê, Thương mại, Tài chính - Kế toán, Tài chính - Tín dụng,...
		Các ngành kỹ thuật nông - lâm - thủy sản - thủy lợi như Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, làm vườn; Công nghệ Rau - Hoa - Quả và cảnh quan, Giống, Di truyền, Công nghệ sinh học, Bảo quản chế biến nông sản, Công nghệ sau thu hoạch, Thú y, Chăn nuôi, Chăn nuôi - Thú y, Nuôi trồng thủy sản, Dâu Tằm, Nông hóa thổ nhưỡng, Khoa học đất, Khoa học cây trồng, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Nông học, Nông lâm kết hợp, Quản lý đất đai, Khoa học môi trường, Lâm nghiệp cộng đồng.
		Các ngành thuộc lĩnh vực xã hội liên quan đến nông thôn như Lâm nghiệp xã hội, Luật, Luật kinh tế, Văn hóa quần chúng, Kinh tế chính trị, Khoa học quản lý, Quản lý xã hội, Luật học, Tư pháp và hành chính nhà nước, Báo chí, Khoa học xã hội và nhân văn.
		Các ngành kỹ thuật liên quan đến nông thôn như Công trình thủy lợi, Thủy nông, Thủy nông công trình điện, Xây dựng công trình, Giao thông vận tải.
12.2	Ngành/Chuyên ngành gần	Nhóm I: Ngân hàng, Hệ thống thông tin kinh tế, Tài chính - Ngân hàng, Tin học quản lý; các ngành thuộc lĩnh vực thông tin liên quan đến nông thôn như Tin học kinh tế, Tin học quản trị, Thông tin - Thư viện.
		Nhóm II: Các ngành khác còn lại.
13	Ngành Quản lý kinh tế	

TT	Ngành	Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học
13.1	Ngành/Chuyên ngành đúng và phù hợp	Các chuyên ngành thuộc khối ngành kinh tế: Kinh tế, Quản lý kinh tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế; Kinh tế đầu tư, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế nông lâm ngư, Kinh tế các ngành sản xuất - dịch vụ, Kinh tế thủy sản, Kinh tế xây dựng, Kinh tế và quản lý xây dựng, Kinh tế giao thông, Kinh tế bưu chính viễn thông, Kinh tế vận tải, Kinh tế bảo hiểm; Kinh tế chính trị, Kinh tế thương mại, Kinh tế lao động, Kinh tế & quản lý công, Kinh tế tài nguyên và môi trường, Kinh tế tài nguyên môi trường. Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh doanh, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Thương mại quốc tế; Kinh doanh nông nghiệp; Quản lý kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ, Quản trị kinh doanh xây dựng, Quản lý công nghiệp, Quản lý công thương, Thống kê, Thống kê kinh tế - xã hội, Thống kê kinh tế.
13.2	Ngành/Chuyên ngành gần	Nhóm I: Tài chính-Ngân hàng, Kế toán, Kế toán doanh nghiệp, Bảo hiểm, Kiểm toán, Tài chính-tín dụng; Khoa học quản lý; Phát triển nông thôn; Phát triển nông thôn và khuyến nông; Quản lý nhà nước, Quản lý khoa học công nghệ, Quản lý thị trường; Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng; Luật Kinh tế; Hệ thống thông tin kinh tế. Nhóm II: Hệ thống thông tin quản lý, Hành chính học; Luật, Luật quốc tế, Tư pháp; Quản lý xây dựng, Quản lý đô thị; Quản lý giáo dục; Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý nguồn lợi thủy sản; Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch, Công nghệ chế biến thủy sản, Công nghệ chế biến nông sản; Bảo quản chế biến nông sản; Chăn nuôi, Nông học, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Lâm nghiệp, Lâm nghiệp đô thị, Lâm sinh, Thủy sản, nuôi trồng thủy sản, Thú y; Dịch vụ xã hội, Công tác xã hội; Kinh tế gia đình.
13.3	Ngành khác	Ngành khác: Chính trị học, Quan hệ quốc tế, Quốc tế học, Xã hội học, Địa lý học, Triết học, Văn hóa, Quan hệ công chúng, báo chí; Xây dựng Đảng và CQNN, quân sự, Công tác tổ chức; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn. Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Bất động sản; Công nghệ sinh học, Sinh học ứng dụng; Khoa học môi trường, Khoa học đất; Thống kê, toán ứng dụng; Hệ thống thông tin; Công nghệ thông tin; Công thôn, Điện, CNKT điện, Hệ thống điện; Điện khí hoá mỏ; Khai thác mỏ, Quy hoạch vùng và đô thị, Quy hoạch đô thị; Xây dựng; Xây dựng cầu đường, Thiết kế thân tàu thủy, Thiết kế và sửa chữa máy tàu thủy, Kiến trúc công trình, Kiến trúc hạ tầng đô thị, công trình, Xây dựng công trình, Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Công nghiệp chế tạo máy, Cơ khí chế tạo máy, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Điện-điện tử; Điện tử-viễn thông, Tự động hóa, Thiết kế máy; Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; Quản lý văn hóa, Kinh doanh xuất bản phẩm, Phát hành sách; Ngoại ngữ, Sư phạm, Ngữ văn, Hóa học, Thể dục thể thao, Điều dưỡng, Công tác thanh thiếu niên, Kỹ thuật công trình xây dựng, Tin học ứng dụng, Tin học quản lý, Thủy văn môi trường, Công nghệ Kỹ thuật Giao thông, Giáo dục chính trị, Máy chính xác, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý xây dựng công trình giao thông,...

TT	Ngành	Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học
14	Ngành Quản lý đất đai	
14.1	Ngành/Chuyên ngành đúng và phù hợp	Quản lý đất đai, Quản lý ruộng đất, Địa chính, Công nghệ địa chính, Quản lý bất động sản, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý tài nguyên thiên nhiên.
14.2	Ngành/Chuyên ngành gần	Nhóm I: Khoa học đất, Kinh tế địa chính, Quản lý Đô thị, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý tài nguyên môi trường rừng, Quy hoạch đô thị, Quy hoạch vùng và đô thị, Thổ nhưỡng, Thổ nhưỡng – nông hóa, Trắc địa - địa chính, Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ, Quản lý đô thị và công trình; Quản lý phát triển bất động sản và đô thị;
		Nhóm II: Bản đồ, Bất động sản, Công nghệ thông tin, Địa chất, Địa lý, Đo đạc và bản đồ, Kinh tế - quản lý Tài nguyên và môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Kinh tế Tài nguyên Môi trường, Kinh tế bất động sản; Khai thác mỏ, Khoa học môi trường, Kiến trúc, Kinh tế, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn, Kinh tế phát triển, Kinh tế xây dựng, Kỹ thuật tài nguyên nước, Lâm nghiệp, Lâm nghiệp đô thị, Lâm nghiệp xã hội, Luật, Luật kinh tế, Môi trường, Quản lý kinh tế, Quản lý môi trường, Quy hoạch lâm nghiệp, Thủy nông cải tạo đất, Trắc địa, Trắc địa công trình, Trắc địa mỏ, Xây dựng; Công nghệ kỹ thuật môi trường, Công nghệ môi trường; Kỹ thuật môi trường Hệ thống thông tin, Hệ thống thông tin quản lý.
14.3	Ngành khác	Ngành khác: Ngành không thuộc các ngành trên
15	Ngành Quản trị kinh doanh	
15.1	Ngành/Chuyên ngành đúng và phù hợp	Cử nhân tốt nghiệp các ngành thuộc nhóm ngành Kinh doanh, Quản trị-quản lý, Kinh doanh và quản lý: Quản trị kinh doanh, Marketing, Ngoại thương, Thương mại quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thương mại và dịch vụ, Kinh doanh dịch vụ, Kế toán doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh thương mại, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh tổng hợp, Quản trị chất lượng, Quản trị marketing, Quản trị bán hàng, Truyền thông marketing, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Kinh doanh bất động sản, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý kinh tế, Quản lý công, Quản lý kinh doanh, Quản lý thị trường, Quản lý lao động, Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý công nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp, Quản trị kinh doanh nông nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý nguồn lợi thủy sản, Quản lý bệnh viện, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý du lịch, Kinh doanh du lịch, Bảo hiểm, Kinh doanh bảo hiểm, Thương mại, Quản lý kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ, Khoa học quản lý, Quản lý môi trường và du lịch sinh thái, Quản lý khoa học công nghệ, Quản lý xây dựng, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Quản lý nhà nước, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

TT	Ngành	Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học
15.2	Ngành/Chuyên ngành gần	Nhóm I: Cử nhân tốt nghiệp nhóm ngành Kế toán- Kiểm toán, Tài chính- Ngân hàng-Bảo hiểm: Kế toán, Kế toán - kiểm toán, Kế toán doanh nghiệp, Kiểm toán; Kế toán tổng hợp, Kế toán công, Kế toán ngân hàng, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng, Ngân hàng, Tài chính - Tín dụng, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính công, Tài chính quốc tế, Tài chính nhà nước, Thị trường chứng khoán, Bảo hiểm... Nhóm II: Cử nhân tốt nghiệp nhóm ngành Kinh tế học: Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế xây dựng, Kinh tế thương nghiệp, Thống kê, Kinh tế bất động sản và địa chính, Kinh tế kế hoạch và đầu tư, Kinh tế lao động và quản lý nguồn lực, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế đầu tư tài chính, Kinh tế luật, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế nông lâm ngư, Kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ, Kinh tế thủy sản, Kinh tế xây dựng, Kinh tế giao thông, Kinh tế bưu chính viễn thông, Kinh tế vận tải, Kinh tế bảo hiểm, Phát triển nông thôn, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Luật kinh tế, Kinh tế đối ngoại, Kinh tế thẩm định giá, Kinh tế gia đình...
15.3	Ngành khác	Ngành khác: Ngành không thuộc các ngành trên
16	Ngành Thú y	
16.1	Ngành/Chuyên ngành đúng và phù hợp	Thú y, Dược thú y
16.2	Ngành/Chuyên ngành gần	Nhóm I: Chăn nuôi - Thú y; Chăn nuôi; Cử nhân Ngư y, Y. Nhóm II: Cử nhân Công nghệ sinh học; Nuôi trồng thủy sản, Quản lý nguồn lợi thủy sản, Dược, Y tế công cộng, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Hóa sinh, Tài nguyên rừng (động vật rừng).